

Bản án số: **36/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/12/2020

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Minh Hoa.

Ông Nguyễn Văn Đông.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Kim Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy - thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy - thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Lan Phương – kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 466/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thu T, sinh năm 1978; (có mặt)

Địa chỉ: tập thể T, tổ A, phường N, quận C, Hà Nội.

Chỗ ở: phòng A, chung cư B, phố L, tổ C, phường M, quận C, Hà Nội.

**- Bị đơn:** Anh Lê Văn S, sinh năm 1976; (vắng mặt)

Địa chỉ: tập thể T, tổ A, phường N, quận C, Hà Nội.

Chỗ ở: phòng A, ngõ B, đường H, tổ C, phường C, quận B, Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17/05/2019 nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thu T trình bày:***

Về tình cảm: chị T và anh Lê Văn S đăng ký kết hôn vào ngày 19/03/2002 tại UBND phường K, quận T, thành phố Hà Nội, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có

tìm hiểu. Quá trình sống chung vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, đỉnh điểm mâu thuẫn là tháng 12 năm 2017 nên chị T đã chuyển nhà ra ngoài ở riêng. Nguyên nhân do anh S thường say rượu dẫn đến mất kiểm soát, dẫn đến xúc phạm vợ con, vợ chồng không đồng nhất quan điểm sống, trong cuộc sống sự yêu thương chia sẻ không còn, bản thân chị T không còn yêu thương anh S. Quá trình chung sống, chị T đã cố gắng cải thiện tình trạng mâu thuẫn nhưng không thể cải thiện được. Nay xác định tình cảm không còn, chị T đề nghị Tòa án cho được ly hôn với anh S để ổn định lại cuộc sống. Hiện nay, chị T và cháu L đang sống tại phòng A, chung cư B, phố L, tổ C, phường M, quận C, Hà Nội.

Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Thùy L (sinh ngày 04/6/2003), cháu Lê Duy A (02/4/2006), khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Thùy L, anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Duy A vì từ khi chị T chuyển ra ngoài ở riêng đến nay cháu Duy A vẫn ở chung cùng bố là anh S và cháu Duy A cũng có nguyện vọng được ở với bố. Cháu L ở cùng với chị T từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay.

Về tài sản chung: chị T không yêu cầu tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng.

Về nợ chung: vợ chồng không vay nợ chung, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai đề ngày 27/8/2019 và hòa giải ngày 27/8/2019, bị đơn là Lê Văn S trình bày:***

Về tình cảm: anh S và chị T đăng ký kết hôn vào ngày 19/03/2002 tại UBND phường K, quận T, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống tại tập thể T, tổ A, phường N, quận C, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng hạnh phúc bình thường đến tháng 12 năm 2017 thì chị T bỏ nhà đi ra ngoài ở riêng, đến năm 2018 thì cháu L ra ngoài ở chung với mẹ, còn cháu Duy A vẫn ở cùng với anh S. Vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn. Anh S không đồng ý ly hôn vì không bao giờ bỏ vợ, anh S không có biện pháp gì để cải thiện mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng.

Về con chung: anh S xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Thùy L (sinh ngày 04/6/2003), cháu Lê Duy A (02/4/2006), cháu Lê Duy A hiện đang ở với anh S, còn cháu L từ năm 2018 đến nay sống chung cùng chị T. Khi ly hôn anh S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và cháu Duy A. Anh S không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: vợ chồng không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình khởi kiện, thụ lý hồ sơ và giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật

về trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự, đảm bảo được tính khách quan, công minh và tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn trong vụ án đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật

Ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án: Áp dụng Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, đề nghị :

1. Xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thu T. Chị Trần Thu T được ly hôn với anh Lê Văn S.

2. Về con chung: chị Trần Thu T và anh Lê Văn S có 02 con chung là cháu Lê Thùy L (sinh ngày 04/6/2003), cháu Lê Duy A (02/4/2006), khi ly hôn giao cháu Lê Thùy L cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Lê Duy A cho anh S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về vay nợ: các đương sự không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: chị T chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lê Văn S là bị đơn có địa chỉ tại Tập thể T, tổ A, phường N, quận C, thành phố Hà Nội, tạm trú tại phòng A, ngõ B, đường H, tổ C, phường C, quận B, Hà Nội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

Đối với việc xét xử vắng mặt của anh S tại phiên tòa, anh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S.

#### **[2] Về nội dung:**

**Về quan hệ hôn nhân nhận thấy:** chị Trần Thu T đăng ký kết hôn với anh Lê Văn S tại Ủy ban nhân dân phường K, quận T, thành phố Hà Nội vào ngày 19/03/2002 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn: chị T trình bày: quá trình chung sống, hai vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S thường say rượu dẫn đến mất kiểm soát, dẫn đến xúc phạm vợ con, vợ chồng không đồng nhất quan điểm sống, trong cuộc sống sự yêu thương chia sẻ không còn, bản thân chị T không còn yêu thương anh S. Quá trình chung sống chung đã cố gắng cải thiện tình trạng mâu thuẫn nhưng không thể cải thiện được. Nay xác định tình cảm

không còn. Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, vì thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Anh S không đồng ý ly hôn nhưng không có phương án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét mục đích hôn nhân của chị T và anh S không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nguyện vọng xin ly hôn của chị T là phù hợp với thực tế, đúng quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T.

**Về con chung:** vợ chồng anh S, chị T có hai con chung là cháu Lê Thùy L (sinh ngày 04/6/2003), cháu Lê Duy A (sinh ngày 02/4/2006), khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Thùy L, anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Duy A vì từ khi chị T chuyển ra ngoài ở riêng đến nay, cháu Duy A vẫn ở chung cùng bố là anh S và cháu Duy A cũng có nguyện vọng được ở với bố. Cháu L ở cùng với chị T từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Anh S có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung là cháu L và Duy A. Xét việc giao con cho ai nuôi để đảm bảo nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ. Hiện nay cháu Duy A đang sinh sống ổn định cùng anh S tại phòng A, ngõ B, đường H, tổ C, phường C, quận B, Hà Nội, cháu L đang sinh sống ổn định cùng với chị T tại phòng A, chung cư B, phố L, tổ C, phường M, quận C, Hà Nội. Cháu Duy A có nguyện vọng ở với bố, cháu L có nguyện vọng ở với mẹ. Vậy giao cháu Lê Thùy L cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Lê Duy A cho anh S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

**Về tài sản chung:** anh S, chị T không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

**Về nợ chung:** anh S, chị T xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

**Về án phí:** chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chị T, anh S có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1.** Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thu T đối với anh Lê Văn S.

Chị Trần Thu T được ly hôn với anh Lê Văn S.

**2. Về con chung:** chị Trần Thu T và anh Lê Văn S có hai con chung là cháu Lê Thùy L (sinh ngày 04/6/2003), cháu Lê Duy A (sinh ngày 02/4/2006). Ly hôn giao cháu Lê Thùy L cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Lê Duy A cho anh S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị T, anh S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

**3. Về tài sản chung:** chị Trần Thu T và anh Lê Văn S không yêu cầu giải quyết nên tòa không xem xét.

**4. Về nợ chung:** anh S, chị T xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

**5. Án phí ly hôn sơ thẩm:** chị Trần Thu T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số 0007119 ngày 19/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Trần Thu T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Văn S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày tòa niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Các đương sự;
- UBND phường K, quận T, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Thu Hương**